

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 137/SXD-PTĐT&HT₁

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 3 năm 2018

V/v thông báo kết quả thẩm định thiết
kế bản vẽ thi công công trình Khu đô
thị mới Xuân An (giai đoạn 1)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thăng Long.

Sở Xây dựng đã nhận Tờ trình số 33/TTr2018/ĐDTL ngày 15/3/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long trình thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và Tổng dự toán dự án Khu đô thị mới Xuân An (giai đoạn 1) kèm theo Hồ sơ trình thẩm định.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 02/VBHN-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng về công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 186/SCT-QLNL ngày 27/02/2018 của Sở Công Thương về việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công hạng mục công trình Hệ thống điện thuộc Dự án Khu đô thị mới Xuân An, thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Công văn số 644/PC66 ngày 22/9/2017 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Tỉnh về việc cho ý kiến về giải pháp PCCC Khu đô thị mới Xuân An; Văn bản số 19/TTr-Cty ngày 26/3/2018 của Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Hà Tĩnh về báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán một số hạng mục công trình thuộc dự án Khu đô thị mới Xuân An (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-ĐDT ngày 25/4/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu đô thị mới Xuân An - giai đoạn 1,

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng xây dựng hạng mục công trình như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: Khu đô thị mới Xuân An, thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 1). Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

- Thuộc dự án đầu tư: Khu đô thị mới Xuân An (giai đoạn 1).

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long.

- Nguồn vốn: Vốn tự có của nhà đầu tư và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

- Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, lập dự toán xây dựng và khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Thành Nam.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định

a) Văn bản pháp lý: Công văn số 835/UBND-XD ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân tại khu vực dự án Khu đô thị mới Xuân An; Quyết định số 12/QĐ-ĐDT ngày 25/4/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu đô thị mới Xuân An - giai đoạn 1 và các tài liệu khác có liên quan.

b) Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế: Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công; Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công; Hồ sơ khảo sát xây dựng.

c) Hồ sơ năng lực của nhà thầu: Thông tin chung về tài chính, năng lực nhân sự, thiết bị, kinh nghiệm.

2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

- Khảo sát: TCXD 9398:2012- Công tác trắc địa trong xây dựng công trình; Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN263-2000; Quy trình khoan thăm dò địa chất 22TCN259-2000; Quy phạm do vẽ bản đồ 96 TCN 43-90.

- Thiết kế: QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật; QCVN 33:2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông; TCXD104:2007 Quy phạm kỹ thuật thiết kế đường phố, đường quảng trường đô thị; Quy trình thiết kế áo đường mềm 22TCN211-06; TCVN 7957- 2008 Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài; TCXDVN 259-2001 Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường phố, quảng trường đô thị và các công trình chiếu sáng khác; TCVN 5828:1994 Đèn điện chiếu sáng đường phố - Yêu cầu kỹ thuật chung; Kết cấu gạch đá - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5573: 2011; Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574 : 2012; Tiêu chuẩn thiết kế nền và móng TCVN 9362:2012; Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737-1995 và các tiêu chuẩn khác có liên quan.

3. Giải pháp thiết kế chủ yếu (Hạng mục san nền, giao thông, thoát nước

mưa, cấp điện sinh hoạt)

3.1. San nền và hồ cảnh quan

a) San nền: San nền theo từng lô với diện tích $156.790,98\text{m}^2$, cao độ san nền không chế từ cốt +4,5m đến +5,25m, đắp bằng cát độ đầm chặt $K=0,9$.

b) Hồ cảnh quan: Hồ có diện tích 22.124m^2 được kẻ xung quanh, ở giữa xây đảo. Kè có cao độ đáy +1,05; cao độ đỉnh +4,55 và được chia làm 3 phần:

- Phần thứ nhất có cao độ từ cốt +1,05 đến cốt +3,05. Mái dốc $m=1:1,5$, xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 dày 30cm;

- Phần thứ hai có cao độ +3,05, gặt cơ rộng 1,5m xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 dày 30cm;

- Phần thứ ba có cao độ từ +3,05 đến +4,55. Mái dốc $m=1:1,5$; phần ngập nước gia cố bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 dày 30cm, phần không ngập nước trồng cỏ.

3.2. Hệ thống giao thông

- Hệ thống đường giao thông có 16 tuyến đường với tổng chiều dài các tuyến $L=5.505,20\text{m}$, cụ thể:

+ Tuyến 1: Chiều dài $L=632,00\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với điểm cuối tuyến 2; điểm cuối $\text{Km}0+632,00$ giao với điểm cuối tuyến 4.

+ Tuyến 2: Chiều dài $L=383,78\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với điểm đầu tuyến 3; điểm cuối $\text{Km}0+383,78$ giao với tuyến 1 tại $\text{Km}0+00$.

+ Tuyến 3: Chiều dài $L=486,97\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với điểm cuối tuyến 2; điểm cuối $\text{Km}0+486,97$ giao với điểm đầu tuyến 4.

+ Tuyến 4: Chiều dài $L=733,52\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với điểm cuối tuyến 3; điểm cuối $\text{Km}0+733,52$ giao với điểm đầu tuyến 1.

+ Tuyến 5: Chiều dài $L=125,7\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với tuyến số 7 tại $\text{Km}0+64,37$; điểm cuối $\text{Km}0+125,7$ giao với điểm đầu tuyến 10A.

+ Tuyến 6: Chiều dài $L=185,14\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với tuyến số 1 tại $\text{Km}0+340,70$; điểm cuối $\text{Km}0+185,14$ giao với điểm đầu tuyến 11.

+ Tuyến 7: Chiều dài $L=128,45\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với Quốc lộ 8B; điểm cuối $\text{Km}0+128,45$ giao với đường Gia Lách.

+ Tuyến 8A: Chiều dài $L=770,49\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với tuyến số 8B tại $\text{Km}0+0,00$; điểm cuối $\text{Km}0+770,49$ giao tuyến 4 tại $\text{Km}0+637,21$.

+ Tuyến 8B: Chiều dài $L=383,47\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với tuyến số 8A tại $\text{Km}0+0,00$; điểm cuối $\text{Km}0+383,47$ giao tuyến 4 tại $\text{Km}0+75,64$.

+ Tuyến 9: Chiều dài $L=330,67\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với tuyến số 8B tại $\text{Km}0+347,65$; điểm cuối $\text{Km}0+330,67$ giao tuyến 11 tại $\text{Km}0+68,5$.

+ Tuyến 10A: Chiều dài $L=484,12\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với tuyến số 10B tại $\text{Km}0+0,00$; điểm cuối $\text{Km}0+484,12$ giao tuyến 11 tại $\text{Km}0+0,00$.

+ Tuyến 10B: Chiều dài $L=434,17\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với tuyến số 10A tại $\text{Km}0+0,00$; điểm cuối $\text{Km}0+434,17$ giao tuyến 12 tại $\text{Km}0+0,00$.

+ Tuyến 11: Chiều dài $L=104,0\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với tuyến số 6 tại $\text{Km}0+185,14$; điểm cuối $\text{Km}0+104,0$ giao tuyến 4 tại $\text{Km}0+401,47$.

+ Tuyến 12: Chiều dài $L=163,85\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với tuyến số 10B tại $\text{Km}0+434,17$; điểm cuối $\text{Km}0+163,85$ giao tuyến 4 tại $\text{Km}0+519,59$.

+ Tuyến 13: Chiều dài $L=65,5\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với tuyến số 8A tại $\text{Km}0+665,62$; điểm cuối $\text{Km}0+65,5$ giao tuyến 12 tại $\text{Km}0+125,35$.

+ Tuyến 14: Chiều dài $L=138,69\text{m}$; điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với đường 546; điểm cuối $\text{Km}0+138,69$ giao tuyến 10B tại $\text{Km}0+247,45$.

- Mặt cắt ngang tuyến:

+ Tuyến số 1: $B_{\text{nền}}=36,0\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=2\times 7,5\text{m}$, $B_{\text{vh}}=2\times 8,0\text{m}$ $B_{\text{pc}}=5,0\text{m}$.

+ Tuyến số 2: $B_{\text{nền}}=42,0\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=2\times 11,5\text{m}$, $B_{\text{vh}}=2\times 8,0\text{m}$ $B_{\text{pc}}=3,0\text{m}$.

+ Tuyến số 3: $B_{\text{nền}}=35,0\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=2\times 10,5\text{m}$, $B_{\text{vh}}=2\times 6,0\text{m}$ $B_{\text{pc}}=2,0\text{m}$.

+ Tuyến số 4: $B_{\text{nền}}=18,0\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=9,0\text{m}$, $B_{\text{vh}}=2\times 4,5\text{m}$.

+ Tuyến số 5: $B_{\text{nền}}=34,0\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=2\times 7,5\text{m}$, $B_{\text{pc}}=5,0\text{m}$, $B_{\text{vh}}=2\times 7,0\text{m}$.

+ Tuyến số 6: $B_{\text{nền}}=34,0\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=2\times 10,0\text{m}$, $B_{\text{vh}}=2\times 7,0\text{m}$.

+ Tuyến số 7: $B_{\text{nền}}=24,5\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=10,5\text{m}$, $B_{\text{vh}}=2\times 7,0\text{m}$.

+ Tuyến số 8A, 8B, 9, 11, 12, 13, 14: $B_{\text{nền}}=15,5\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=7,5\text{m}$, $B_{\text{vh}}=2\times 4,0\text{m}$.

+ Tuyến số 10A: $B_{\text{nền}}=20,5\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=12,5\text{m}$, $B_{\text{vh}}=2\times 4,0\text{m}$. Riêng đoạn từ $\text{Km}0+100$ đến $\text{Km}0+112$; $\text{Km}0+159,59$ đến $\text{Km}0+288,76$; $\text{Km}0+365$ đến $\text{Km}0+380$; $\text{Km}0+450$ đến $\text{Km}0+464,23$ có $B_{\text{nền}}=15,5\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=7,5\text{m}$, $B_{\text{vh}}=2\times 4,0\text{m}$.

+ Đối với tuyến số 10B: $B_{\text{nền}}=20,5\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=12,5\text{m}$, $B_{\text{vh}}=2\times 4,0\text{m}$. Riêng đoạn từ $\text{Km}0+45,58$ đến $\text{Km}0+50$; $\text{Km}0+93$ đến $\text{Km}0+288,76$; $\text{Km}0+365$ đến $\text{Km}0+380$; $\text{Km}0+450$ đến $\text{Km}0+464,23$ có $B_{\text{nền}}=15,5\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=7,5\text{m}$, $B_{\text{vh}}=2\times 4,0\text{m}$.

- Kết cấu mặt đường tính từ trên xuống:

+ Đối với tuyến 1, 2, 3: Lớp bê tông nhựa chặt C12,5 dày 5cm; tưới nhựa thấm bảm $0,5\text{kg/m}^2$; lớp bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm $1,0\text{kg/m}^2$; lớp cấp phối đá dăm loại I dày 18cm; lớp cấp phối đá dăm loại II dày 30cm.

+ Đối với tuyến 4, 5, 6, 7, 8A, 8B, 9, 10A, 10B, 11, 12, 13, 14: Lớp bê tông nhựa chặt C19 dày 6cm; tưới nhựa thấm bảm $1,0\text{kg/m}^2$; lớp cấp phối đá dăm loại I dày 18cm; lớp cấp phối đá dăm loại II dày 20cm.

- Kết cấu vỉa hè: Lát gạch terrazzo tự chèn dày 5cm, láng vữa dày 2cm, lớp bê tông xi măng mác 150 dày 7cm, lớp nilon lót móng.

- Nền đường của các tuyến: Ta luy nền đường đắp 1/1,5; nền đường bằng cát độ chặt $K\geq 0,95$, $\text{CBR}\geq 4$. Riêng 30cm dưới lớp kết cấu áo đường độ đầm chặt $K\geq 0,98$, $\text{CBR}\geq 6$.

- Các tuyến đường dạo, quảng trường: Đường dạo có mặt cắt ngang $B=1,5\text{m}$; tổng chiều dài $L=1.200\text{m}$. Kết cấu: Lát đá xẻ tự nhiên dày 3cm.

- Hệ thống an toàn giao thông: Gồm các vạch 1.1, vạch 1.18, vạch 2.1, vạch

3.1a, vạch 7.3, vạch 9.3 và các cột biển báo, gồm các loại P.102, I.423B, R.303, W.208 theo QCVN 41-2016/BGTVT.

3.3. Hệ thống thoát nước mưa

- Toàn bộ nước mưa trong khu vực dự án được thu gom và thoát ra 2 cống hộp qua đường sắn có trên đường Gia Lách.

- Hệ thống thoát nước mưa: Sử dụng cống tròn chạy dưới vỉa hè hoặc dưới đường theo hệ thống giao thông. Cống bằng bê tông mác 300, đá 1x2, gồm: D300 có tổng chiều dài L=921m; D400 có tổng chiều dài L=754m; D600 có tổng chiều dài L=2.361; D800 có tổng chiều dài L=392m; D1000 có tổng chiều dài L=1.238m; D1200 có tổng chiều dài L=311m; D1500 có tổng chiều dài L=132m. Kết cấu: móng cống sử dụng gổ đỡ cống bằng bê tông mác 200, đá 2x4.

- Hố ga: Tổng số lượng hố ga 429 cái. Hố ga gồm các loại có kích thước: 1,44x1,44m; 1,64x1,64m; 1,86x2,16m; 2,06x2,16m; 1,86x2,66m. Kết cấu: Giường bằng bê tông cốt thép mác 250; thành xây gạch đặc mác 100 vữa xi măng mác 75; đáy bằng bê tông cốt thép mác 250; tấm đan bằng bê tông cốt thép mác 250.

3.4. Hệ thống thoát nước thải

- Nước thải của hộ gia đình, công trình công cộng sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại đổ vào tuyến cống thu gom rồi chảy về Trạm xử lý có công suất 600m³/ngđ. Nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn về môi trường trước khi thoát ra hệ thống thoát nước mưa.

- Hệ thống cống thoát nước thải: Sử dụng cống tròn chạy dọc vỉa hè theo hệ thống giao thông. Cống bằng bê tông ly tâm mác 300, đá 1x2 đường kính D300 có tổng chiều dài L=3.720m. Kết cấu móng cống: sử dụng gổ đỡ cống bằng bê tông mác 200, đá 2x4.

- Hố ga: Tổng số lượng hố ga 229 cái. Hố ga có kích thước: 1,04x1,14m; 1,44x1,44m; kết cấu: Giường bằng bê tông cốt thép mác 200; thành xây gạch đặc vữa xi măng mác 75; đáy bằng bê tông mác 200; tấm đan bằng bê tông cốt thép mác 200.

3.5. Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước: Đầu nối từ tuyến ống D300 trên Đường 546 thuộc thị trấn Xuân An.

- Hệ thống đường ống cấp nước: Sử dụng ống HDPE có đường kính: D200 có tổng chiều dài L=31m; D110 có tổng chiều dài L=3.319m; D63 có tổng chiều dài L=131m; D50 có tổng chiều dài L=4.142m.

- Hạng cứu hỏa được bố trí trên đường ống D110 tại các ngã ba, ngã tư.

- Mương đào đặt ống: Mương đào hình thang, bao quanh đường ống đệm cát đầm chặt K=0,9.

3.6. Hệ thống cấp điện

Nguồn điện: Lấy từ Trạm biến áp 110kV Nghi Xuân.

Xây dựng hệ thống điện gồm có điện chiếu sáng, điện sinh hoạt 0,4 kV, 03 trạm biến áp có công suất mỗi trạm là 2x400kVA và đường dây trung thế 22kV.

- Đường dây trung thế có tổng chiều dài $L=1.344\text{m}$, sử dụng dây cáp ngầm loại 24 kV - Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC/W $3 \times 185\text{mm}^2$.

- Hệ thống điện sinh hoạt: Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống điện 0,6kV đi ngầm, chiều dài tuyến đường dây $L=6089\text{m}$. Sử dụng dây cáp ngầm loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-1/0.6kV gồm các tiết diện: $4 \times 10\text{mm}^2$, $3 \times 35 + 1 \times 25\text{mm}^2$, $3 \times 150 + 1 \times 120\text{mm}^2$, $3 \times 185 + 1 \times 150\text{mm}^2$, $3 \times 240 + 1 \times 185\text{mm}^2$, $3 \times 300 + 1 \times 240\text{mm}^2$, $3 \times 70 + 1 \times 35\text{mm}^2$, $3 \times 95 + 1 \times 70\text{mm}^2$, $3 \times 120 + 1 \times 70\text{mm}^2$, $1 \times 240\text{mm}^2$, $4 \times 10\text{mm}^2$, $4 \times 16\text{mm}^2$, $4 \times 6\text{mm}^2$. Tủ công tơ sử dụng tủ công tơ hộp bộ, loại ngoài trời, sơn tĩnh điện. Móng tủ bằng bê tông mác 200, đá 2x4 trên lớp bê tông lót mác 100, đá 4x6, dày 10cm.

- Hệ thống điện chiếu sáng: Tuyến điện chiếu sáng có tổng chiều dài tuyến $L=8.147\text{m}$; sử dụng dây cáp ngầm loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0,6/1kV gồm các tiết diện: $3 \times 4 + 1 \times 2,5\text{mm}^2$, $3 \times 6 + 1 \times 4\text{mm}^2$, $3 \times 10 + 1 \times 6\text{mm}^2$, $3 \times 16 + 1 \times 10\text{mm}^2$, $3 \times 25 + 1 \times 16\text{mm}^2$, $3 \times 35 + 1 \times 25\text{mm}^2$. Cột đèn chiếu sáng dùng hệ thống cột thép tròn côn cao 10m, cột đèn trang trí cao 4,5m gắn cần đèn cao 2,0m, độ vươn cần đèn 1,5m lắp đế gang; cột đèn pha cao 14,0m và 17,0m. Đèn chiếu sáng công suất 150W và 250W, đèn trang trí công suất 40W. Điều khiển hệ thống chiếu sáng bằng 02 tủ điều khiển chiếu sáng tự động 3P-63A/0,4(1)kV.

3.7. Hệ thống thông tin liên lạc

- Điểm chờ đầu nối nguồn đặt tại đầu tuyến đường 3.

- Bố trí 01 Tủ phân phối trung tâm, 10 tủ phân phối và hệ thống tuyến cáp dẫn với tổng chiều dài $L=833\text{m}$ gồm các loại: 2FO và 8FO. Cáp được luồn trong ống nhựa đặt ở độ sâu tối thiểu 0,7m với đoạn cáp đi dưới vỉa hè và sâu 0,9m khi đi qua đường.

- Camera giám sát: Camera giám sát được gắn trên các cột đèn chiếu sáng công cộng với độ cao cách chân cột đèn 5m. Dây cáp nguồn và dây tín hiệu được lồng trong ống nhựa xoắn HDPE và đi chung với hệ thống cáp chiếu sáng. Hệ thống cáp quang với tổng chiều dài $L=2.191\text{m}$ gồm các loại: Cáp quang 8FO và cáp mạng CAT6E; hệ thống dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0,6/1kV - $2 \times 1,5\text{mm}^2$ dài $L=2.800\text{m}$.

3.8. Cây xanh: Bố trí cây xanh tại các khu vực CX01 đến CX13: Sử dụng loại cây bóng mát, cây cổ thụ và thảm cỏ.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế; lập dự toán xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Thành Nam đủ năng lực lập dự án đầu tư; chủ nhiệm đồ án KS. Vũ Chí Kiên, chủ trì khảo sát địa hình KS. Nguyễn Hồng Liên, chủ trì khảo sát địa chất KS. Nguyễn Ngọc Quân đủ điều kiện năng lực theo quy định hiện hành. Năng lực cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công: KS. Võ Minh Cường đủ điều kiện năng lực theo quy định hiện hành.

2. Sự phù hợp của xây dựng bước thiết kế bản vẽ thi công so với thiết kế cơ sở: Thiết kế bước bản vẽ thi công phù hợp với thiết kế cơ sở đã được duyệt.

3. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình: Các giải pháp thiết kế cơ bản phù hợp với quy mô, mục đích của dự án.

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng công trình: Thiết kế bản vẽ thi công phù hợp với các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng công trình.

5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận: Giải pháp thiết kế công trình phù hợp với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận.

6. Sự tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Thiết kế bản vẽ thi công tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Kết luận: Thiết kế bản vẽ thi công công trình Khu đô thị mới Xuân An, thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 1) đủ điều kiện phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

- Kiến nghị:

+ Để triển khai thi công đồng bộ dự án, đảm bảo có đầy đủ các công trình hạ tầng phục vụ, đề nghị Chủ đầu tư tổ chức thực hiện thiết kế, thẩm định, phê duyệt, đầu tư hạng mục công trình an ninh công cộng.

+ Tuyến đường số 4 đã được UBND tỉnh cho phép điều chỉnh tại Công văn số 835/UBND-XD ngày 13/02/2018, đề nghị chủ đầu tư cập nhật các nội dung điều chỉnh đã được thẩm định ở bước bản vẽ thi công vào bước Dự án và báo cáo UBND tỉnh, UBND huyện Nghi Xuân.

+ Để đảm bảo khả năng thoát nước triệt để cho khu vực Dự án, đề nghị Chủ đầu tư có giải pháp đầu tư hoặc kiến nghị UBND huyện Nghi Xuân hoàn thiện hệ thống thoát nước ngoài khu vực Dự án.

+ Chủ đầu tư triển khai thẩm định phần thiết kế công nghệ hạng mục Trạm xử lý nước thải và dự toán xây dựng làm cơ sở để phê duyệt thiết kế theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 5 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, HT1.



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Tình